

QUY ĐỊNH
về công tác quy hoạch cán bộ

Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;

Căn cứ Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ;

Căn cứ Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy khoá XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về công tác quy hoạch cán bộ như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về nguyên tắc, mục đích, yêu cầu, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực, thẩm quyền, trách nhiệm, phương pháp, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, cơ cấu, số lượng, quy trình, quản lý và công khai trong công tác quy hoạch cán bộ; áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

2. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trên cơ sở nêu cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, người đứng đầu, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác quy hoạch cán bộ.

3. Coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hòa, hợp lý, liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở tỉnh với địa phương, cơ sở và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đấu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

4. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị với quy hoạch cán bộ cấp tỉnh.

5. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, công chức, viên chức; một cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp tỉnh, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân.

2. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

5. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”. Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch:

Các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, bao gồm: Các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

2. Đối tượng quy hoạch:

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm 2 đối tượng, cụ thể:

- Đối tượng 1 và đối tượng 2 của các chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh căn

cứ vào Phụ lục 1A, 1B, 1C, 1D để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch:

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch:

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ, giai đoạn theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Xây dựng và đề xuất, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương xem xét, thẩm định, phê duyệt quy hoạch các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

- Phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh; Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Trưởng, phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (*gọi chung là các ban của Tỉnh ủy*); Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Chánh, Phó chánh: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng, phó các ban của HĐND tỉnh; Trưởng, phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Giám đốc, Phó giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Tổng biên tập, Phó tổng biên tập Báo Lâm Đồng; Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh; Trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên các công ty TNHH một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (xếp hạng I); Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND các huyện, thành phố. Hiệp y quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

- Ủy quyền cho tập thể Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch và hiệp y quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Ủy quyền cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh Trưởng, phó các phòng, ban và tương đương thuộc các ban của Tỉnh ủy; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Trường Chính trị tỉnh, Báo Lâm Đồng.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị:

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các văn bản về công tác quy hoạch cán bộ; giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh: Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh được Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền và chức danh phải lấy ý kiến thẩm định của các ban, cơ quan đảng ở tỉnh theo quy định.

- Tổng kết, sơ kết, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (khi cần thiết hoặc theo yêu cầu) để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và cơ quan liên quan:

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

Điều 7. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hằng năm, tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 1 đến 2 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện:

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định.

2. Về độ tuổi:

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ kế tiếp đó (60 tháng) (tuổi quy hoạch tính đến thời gian nghỉ hưu thực tế quy định). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên (06 năm).

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch:

3.1. Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

3.2. Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (*Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với trường hợp các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; ban tổ chức cấp ủy các cấp đối với trường hợp khác*) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 9. Hệ số, số lượng và cơ cấu

1. Về hệ số, số lượng:

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

- Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Mỗi chức danh quy hoạch không quá ba cán bộ và một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp.

2. Về cơ cấu:

- Phân đầu cơ cấu, tỉ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (*dưới 40 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp huyện; dưới 35 tuổi đối với cấp xã*) từ 15% trở lên.

- Tỷ lệ cán bộ nữ trong quy hoạch: Bảo đảm tỷ lệ cán bộ nữ trong quy hoạch từ 25% trở lên so với danh sách quy hoạch (*đối với một số ngành đặc thù, tỷ lệ nữ có thể từ 20% đến 25%*). Đồng thời, thực hiện chủ trương: Cấp huyện và tương đương trở lên nhất thiết phải có cán bộ nữ trong cơ cấu lãnh đạo (*ban*

thường vụ cấp ủy, thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố; lãnh đạo các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh).

- Cơ cấu cán bộ dân tộc thiểu số: Ở những địa phương, đơn vị có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo cơ cấu cán bộ dân tộc thiểu số ít nhất 10% so với danh sách quy hoạch.

- Cơ cấu ngành nghề: Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và đặc điểm của từng địa phương.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch:

Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình:

1.1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ.

1.2. Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc từ nguồn nhân sự ở nơi khác.

- Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý: Thực hiện theo Phụ lục 2.

- Đối với quy trình quy hoạch người quản lý doanh nghiệp tại các Công ty TNHH MTV thực hiện theo Nghị định số 159/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ hoặc các văn bản khác thay thế Nghị định số 159/2020/NĐ-CP.

2. Hồ sơ nhân sự: Thực hiện theo Phụ lục 3.

Điều 11. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch:

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý quy hoạch:

Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Sau 30 ngày kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*), kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch đối với chức danh ủy viên ban chấp hành đảng bộ các huyện, thành phố, đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy để quản lý theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 12. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ quá tuổi quy hoạch hoặc bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (*đối với cá nhân*) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc chuyển công tác ra ngoài địa phương thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ, có trách nhiệm cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm, tình hình và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị nhưng không trái với Quy định này.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Quy định về công tác quy hoạch cán bộ (*kèm theo các phụ lục*) có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và thay thế những văn bản trước đây có liên quan đến công tác quy hoạch cán bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Vụ III - BTC Trung ương,
- Các đồng chí UVBTV Tỉnh ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành của tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy,
- đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND,
- các Công ty THHHMTV mà Nhà nước
- nắm giữ 100% vốn điều lệ,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD1.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Trần Đức Quận

PHỤ LỤC 1A
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH ĐIỆN
BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ
(Kèm theo Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- Quy hoạch chức danh Bí thư Tỉnh ủy

1. Đối tượng 1: Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; các đồng chí Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng chưa là đối tượng 1, 2.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- Quy hoạch chức danh Phó Bí thư Tỉnh ủy

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; các đồng chí Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng chưa là đối tượng 1.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 1B
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ,
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

(Kèm theo Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Đối tượng 1: Cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh *(được quy hoạch chức danh cấp trưởng)*; bí thư, phó bí thư cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy *(được quy hoạch chức danh bí thư)*.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; trưởng phòng của các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- Quy hoạch Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh *(được quy hoạch chức danh cấp trưởng)*; bí thư, phó bí thư cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy được quy hoạch chức danh bí thư *(nếu chưa tham gia Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh)*.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 1C
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH
DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ

(Kèm theo Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- Quy hoạch cấp trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

1. Đối tượng 1: Cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Trưởng phòng cấp tỉnh và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- Quy hoạch cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

1. Đối tượng 1: Trưởng phòng cấp tỉnh và tương đương; ủy viên ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; chuyên viên cấp tỉnh *(đối với những bộ phận, cơ quan thực hiện chế độ chuyên viên)*.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Phó trưởng phòng cấp tỉnh và tương đương

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

III- Quy hoạch chức danh Bí thư thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Đối tượng 1: Phó Bí thư thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- Đối tượng 2: Ủy viên ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy; Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện,

thành phố.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên với cả nam và nữ.

IV- Quy hoạch chức danh Phó Bí thư thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- **Đối tượng 1:** Ủy viên ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy; Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; trưởng phòng, phó trưởng phòng cấp tỉnh (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng phòng*); chuyên viên cấp tỉnh (*đối với những bộ phận, cơ quan thực hiện chế độ chuyên viên*).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố, đảng bộ trực thuộc đảng bộ Tỉnh; cấp trưởng các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 1D
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ,
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY, THÀNH ỦY VÀ ĐẢNG ỦY TRỰC
THUỘC TỈNH ỦY

(Kèm theo Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- Quy hoạch chức danh ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố và đảng bộ trực thuộc Đảng bộ tỉnh

- **Đối tượng 1:** Cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy *(được quy hoạch chức danh cấp trưởng)*; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn *(được quy hoạch chức danh Bí thư)*.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

- **Đối tượng 2:** Ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường, thị trấn; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- Quy hoạch ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

1. Đối tượng 1: Ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố và đảng bộ trực thuộc Đảng bộ tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy *(được quy hoạch chức danh cấp trưởng)*; bí thư, phó bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn được quy hoạch vào chức danh bí thư *(nếu chưa tham gia cấp ủy)*

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 2
QUY TRÌNH NHÂN SỰ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO,
QUẢN LÝ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ
(Kèm theo Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ

1. Bước 1: Xây dựng kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình. (2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (2) Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Thành phần:

- Đối với cấp tỉnh: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- Đối với các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Đối với UBND tỉnh: Tập thể Ban cán sự đảng UBND tỉnh.
- Đối với HĐND tỉnh: Tập thể Đảng đoàn HĐND tỉnh.
- Đối với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh: Tập thể lãnh đạo và cấp ủy.
- Đối với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: Tập thể Đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn.

3. Bước 3: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần:

- + *Đối với cấp tỉnh:* Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Trưởng các sở, ban, ngành (bao gồm cả các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn và sinh

hoạt đảng tại địa phương), Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Chủ tịch HĐND, UBND các huyện, thành phố.

+ *Đối với các huyện ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy*: Ban Chấp hành Đảng bộ; Trưởng các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; bí thư, phó bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc huyện ủy, thành ủy; bí thư, phó bí thư đảng ủy; Chủ tịch HĐND, UBND xã, phường, thị trấn.

+ *Đối với Đảng ủy khối các cơ quan, Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh*: Ban chấp hành Đảng bộ khối; Trưởng các phòng, ban và tương đương; Trưởng các tổ chức đoàn thể; bí thư, phó bí thư các đảng bộ trực thuộc Đảng ủy khối.

+ *Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (bao gồm: Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các ban của Tỉnh ủy; Báo Lâm Đồng, Trường chính trị tỉnh)*: Tập thể lãnh đạo, cấp ủy; Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; Trưởng các tổ chức đoàn thể của cơ quan.

+ *Đối với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh*: Tập thể đảng đoàn, ban chấp hành; Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; Trưởng các tổ chức đoàn thể của cơ quan.

Lưu ý: Các cơ quan, đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, viên chức dưới 30 người, phải tổ chức lấy phiếu của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.

(2) *Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu*: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

4. Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần:

- Ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo, cấp ủy cơ quan, trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc.

- Đối với tổ chức bầu cử là hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ.

(2) *Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu*: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

5. Bước 5: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

* **Lưu ý:** Căn cứ theo Quy định số 127-QĐ/TW, ngày 01/3/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ xã, phường, thị trấn*” và các văn bản liên quan, Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy quy định cụ thể Quy trình quy hoạch cán bộ đối với xã, phường, thị trấn.

II- Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm

1. Quy trình đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và đề xuất của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch theo các bước sau:

(1) **Bước 1:** Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1) xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị và bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc đưa ra khỏi quy hoạch: Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(3) **Bước 3:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2 và bước 3, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

2. Quy trình đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

(1) Bước 1: Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch.

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh chỉ đạo thực hiện như sau: (1) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong quy hoạch và ngoài quy hoạch); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (2) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(2) Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1).

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

(3) Bước 3: Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác.

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

(4) Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

- Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch tương tự như thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp.

- Kết quả biểu quyết giới thiệu tại bước 5 (xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp) và ở bước 4 (rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm) được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Đối với kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị tương ứng.

PHỤ LỤC 3 **DANH MỤC HỒ SƠ QUY HOẠCH**

(Kèm theo Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch (theo mẫu)

1. Tờ trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.
2. Biên bản hội nghị và các biên bản kiểm phiếu giới thiệu quy hoạch; bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước.
3. Danh sách cán bộ quy hoạch các chức danh có kèm theo phân tích chất lượng.
4. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.
5. Báo cáo kết quả quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031.

II. Danh mục hồ sơ nhân sự quy hoạch (theo mẫu)

Cá nhân các đồng chí trong quy hoạch lập 04 bộ hồ sơ (03 bộ gửi cho cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch; một bộ lưu tại cơ quan, đơn vị quy hoạch) thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Sơ yếu lý lịch theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6.
2. Nhận xét, đánh giá của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
3. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.
4. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).
5. Bản sao có giá trị pháp lý các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).
6. Quyết định bổ nhiệm vào ngạch đối với công chức; quyết định bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (áp dụng quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó các phòng (ban) và tương đương của các địa phương, cơ quan, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp...).

* **Lưu ý:** Các tài liệu nêu trên không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét.
